

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 14/01/2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hà;
Ông Nguyễn Đình Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 4, xã Trà Leng, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trà Thanh B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Bình An, xã T P, thành phố Đ, N;

Chỗ ở hiện nay: Đường Altenhoferstr.3, 13055 B L, Đ. Anh B có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam nay là xã T P, thành phố Đ, N. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hơn một năm nay, chị và anh B đã không còn chung sống với nhau, phần ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trà Thanh B.

- Về con chung: Chị và anh B có 03 người con chung là cháu Trà Anh Ki, sinh ngày 04/11/2017, cháu Trà Gia L, sinh ngày 06/02/2023, cháu Trà Anh K, sinh ngày 06/4/2025, 03 con chung hiện đang sống cùng với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 31/12/2025, bị đơn anh Trà Thanh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Quỳnh N kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam nay là xã T P, thành phố Đ, N. Trong thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh và chị N đã không còn chung sống hơn một năm nay. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị N có ba người con chung N chị N đã trình bày, hiện nay đang sống cùng chị N. Hiện nay, anh đang làm việc ở nước Đức nên thống nhất giao 03 cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Nếu chị N có yêu cầu thì anh sẽ cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh N, xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Trà Thanh B; căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 03 con chung là cháu Trà Anh Ki, sinh ngày 04/11/2017, cháu Trà Gia L, sinh ngày 06/02/2023, cháu Trà Anh K, sinh ngày 06/4/2025 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; về cấp

dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Quỳnh N khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn Trà Thanh B cư trú tại xã T P, thành phố Đ, N. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B có cung cấp địa chỉ đang cư trú tại Đường Altenhoferstr.3, 13055 B L, Đ. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 225/2025/QH15, Tòa án nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Bị đơn anh Trà Thanh B có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N và anh Trà Thanh B kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam nay là xã T P, thành phố Đ, N vào năm 2017. Việc kết hôn giữa chị N và anh B là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị N và anh B là hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị N và anh B đều thể hiện trong thời gian chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hơn một năm nay, anh chị đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế, các anh chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh B không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Trà Thanh B là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh B có 03 người con chung là cháu Trà Anh Ki, sinh ngày 04/11/2017, cháu Trà Gia L, sinh ngày 06/02/2023, cháu Trà Anh K, sinh ngày 06/4/2025. Ly hôn, chị N và anh B đều có nguyện vọng giao cả 03 cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại cả 03 cháu đang sinh sống

cùng với chị N. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với thực tế nên chấp nhận yêu cầu này của các đương sự, giao cả con chung cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 225/2025/QH15; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh N, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Trà Thanh B.

2. Về con chung: Giao cháu Trà Anh Ki, sinh ngày 04/11/2017; Trà Gia L, sinh ngày 06/02/2023 và Trà Anh K, sinh ngày 06/4/2025 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Nng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0005641 ngày 17/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã Tiên Phước;
- Lưu án văn + hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Hải